TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 28-02-2020
V/v "Ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

Bà Trương Thị Tuyền;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLPT-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2019, về việc " Ly hôn và tranh chấp nuôi con";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2019/HNGĐ-ST, ngày 07 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện CT bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2020/QĐ-PT, ngày 20 tháng 01 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Huỳnh N, sinh năm 1991; cư trú tại: Tổ 2, ấp BC, xã NĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1991; cư trú tại: Số 383, ấp LC, xã LV, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Anh Phan Văn H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-8-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Huỳnh N trình bày: Chị và anh Phạm Văn H chung sống và đăng ký kết hôn ngày 03-6-2011 tại Ủy ban nhân dân xã LV, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, chị sống làm dâu nhà anh H tại ấp LC, xã LV, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không lo làm ăn mà hay uống rượu và đam mê cờ bạc (đánh số đề). Đến tháng 5-2019, anh H đi làm trên đường về đã uống rượu, khi về đến nhà anh H còn đánh chị, sau đó chị hỏi xin gia đình chồng cho chị đưa hai con về nhà mẹ ruột chơi, nhưng mẹ chồng và anh H không đồng ý, nên chị làm đơn xin ly hôn gởi đến Tòa án nhân dân huyện CT yêu cầu giải quyết, tại Tòa án anh H yêu cầu đoàn tụ, cho anh cơ hội sửa sai, nên chị đã rút đơn xin ly hôn, nhưng sau khi chị rút đơn xin ly hôn cuộc sống gia đình vẫn không hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 5-2019 cho đến nay. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 cháu, lớn tên Phạm Phan Gia Hân, sinh ngày 26-4-2012; nhỏ tên Phạm Phan Gia Hương, sinh ngày 13-01-2016; hai con chung đang sống với anh H. Chị về nhà thăm con nhưng gia đình và anh H không đồng ý cho chị đến thăm nom các cháu, chị có báo cho chính quyền địa phương. Chị đang làm công nhân cho Công ty VMC Hoàng Gia, lương hàng tháng trung bình khoảng 5.500.000 đồng đến 6.000.000 đồng nên có đủ điều kiện để nuôi con. Cháu Hân có nguyện vọng sống với anh H khi vợ chồng ly hôn nhưng chị yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Chị rút yêu cầu chia tài sản chung theo đơn khởi kiện ngày 06-8-2019, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Văn H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian vợ chồng chung sống, kết hôn. Về nguyên nhân xin ly hôn chị N trình bày là không đúng, vì vợ chồng không có mâu thuẫn, anh không đam mê cờ bạc (đánh số đề), không uống rượu và cũng không đánh vợ N lời khai của chị N. Ngày 01-6-2019, mẹ vợ đến nhà anh đoán chị N về và sau đó chị N làm đơn xin ly hôn với anh tại Tòa án nhân dân huyện CT, tại Tòa án vợ chồng đồng ý đoàn tụ, nên chị N đã rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện CT ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng chị N không về chung sống với anh, nay chị N tiếp tục yêu cầu xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Có 02 cháu như chị N trình bày, hiện con chung anh đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh làm công nhân nhà máy ngói Diễm Hưng, thu nhập hàng tháng trung bình khoảng 10.000.000 đồng, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Hơn nữa cháu Hân có nguyện vọng sống với cha, nên anh yêu cầu nuôi 02 con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2019/HNGĐ-ST, ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện CT đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án;

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Huỳnh N và anh Phạm Văn H.

Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Phan Gia Hân, sinh 26-4-2012 cho anh Phạm Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Phan Thị Huỳnh N không có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Giao cháu Phạm Phan Gia Hương, sinh ngày 13-01-2016 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Phạm Văn H không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung.

Anh H, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Phan Thị Huỳnh N và anh Phạm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị N

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20-11-2019, anh H kháng cáo yêu cầu sửa Bản án số 89/2019/HNGĐ-ST ngày 07-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện CT, anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh H giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử giao 02 con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị N không đồng ý theo yêu cầu của anh H và yêu cầu được nuôi cháu Gia Hương theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Anh H kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh không cung cấp được chứng cứ gì mới để Hội đồng xét xử xem xét, do đó Tòa án cấp sơ

thẩm xử giao cho anh H, chị N mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Chị Phan Thị Huỳnh N và anh Phạm Văn H chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn ngày 03-6-2011 tại UBND xã LV, huyện CT, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ nhưng trong quá trình chung sống giữa chị N và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên chị N có đến chính quyền địa phương trình báo nhiều lần theo biên bản xác minh ngày 10-10-2019 (BL số 27); chị N đã một lần làm đơn xin ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải đoàn tụ, thế nhưng giữa hai người không thể sống chung hàn gắn tình cảm với nhau, nên đã sống ly thân từ tháng 5-2019 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng N tại phiên tòa sơ thẩm anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Như vậy, về hôn nhân anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N, không có tranh chấp, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên " *Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Huỳnh N và anh Phạm Văn H*" là không đúng, nên Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên cho đúng là "*Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Huỳnh N và anh Phạm Văn H*".

[2] Chị N và anh H có 02 con chung, cháu lớn tên Phạm Phan Gia Hân, sinh 26-4-2012, cháu nhỏ tên Phạm Phan Gia Hương, sinh ngày 13-01-2016, chị N, anh H đều có nguyện vọng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét chị N, anh H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên sau khi ly hôn là nguyện vọng chính đáng của cha mẹ, nhưng cả anh, chị đều yêu cầu trực tiếp được nuôi dưỡng 02 con chung là không phù hợp, vì nếu giao con chung cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tước mất quyền làm cha, làm mẹ của người còn lại, trong khi chị N, anh H đều có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, do đó giao cho anh, chị mỗi người nuôi dưỡng một con chung là phù hợp, đảm bảo quyền làm cha, làm mẹ của anh chị; hiện 02 con chung đang sống với anh H, cháu Hân có nguyện vọng được sống với cha, do đó Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Phan Gia Hân cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; buộc anh H giao cháu Phạm Phan Gia Hương cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H, chị N không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về tài sản chung: Tại Đơn khởi kiện ngày 06-8-2019, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ, chồng là 06 chỉ vàng 24K, trị giá

22.200.000 đồng; ngày 27-8-2019 chị N làm đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết yêu cầu này của chị N là có căn cứ, nhưng không áp dụng điều luật để đình chỉ phần rút lại yêu cầu của chị N trong phần quyết định là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[5] Về nợ chung: Anh H, chị N khai không có.

[6] Theo hướng dẫn mẫu viết bản án số 52-DS, ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13-01-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trong phần quyết định Tòa án phải "*Căn cứ*" vào các điều luật tương ứng để giải quyết vụ án, nhưng trong bản án này Tòa án cấp sơ thẩm lại dùng từ "*Áp dụng*" là không đúng theo hướng dẫn nên cần rút kinh nghiệm.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H, chị N thuận tình ly hôn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị N chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án, theo quy định này thì mỗi bên đương sự phải chịu 50% mức án phí, do đương sự không kháng cáo nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 148 và Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Huỳnh N và anh Phạm Văn H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Phạm Phan Gia Hân, sinh ngày 26-4-2012 cho anh Phạm Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Buộc anh Phạm Văn H giao cháu Phạm Phan Gia Hương, sinh ngày 13-01-2016 cho chị Phan Thị Huỳnh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị N, anh H không bên nào phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, chị N, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phan Thị Huỳnh N và anh Phạm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Phan Thị Huỳnh N; chị N được quyền khởi kiện lại yêu cầu đã rút về việc chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: Anh H, chị N khai không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Huỳnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006182 ngày 09-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006449 ngày 20-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tây Ninh; anh H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện CT;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS huyện CT;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Vũ

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Quốc Vũ

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS quận 10 TPHCM;
- Các đương sự;
- Tòa dân sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Văn Be